



**Câu 3 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải nước ta.

**Cách giải:**

Loại hình vận tải có số lượt vận chuyển hành khách lớn nhất ở nước ta hiện nay là đường bộ.

**Chọn D.**

**Câu 4:** Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A.** khí hậu có mùa đông lạnh, đất feralit.                      **B.** có vùng đồi thấp rộng, đất phù sa cổ.  
**C.** nhiều đồi núi và có các cao nguyên.                      **D.** giống cây tốt, nguồn nước mặt nhiều.

**Câu 4 (TH):**

**Phương pháp:**

Gạch chân từ khóa: cận nhiệt.

Dựa vào thế mạnh phát triển kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Cách giải:**

Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là khí hậu có mùa đông lạnh, đất feralit. Khí hậu có mùa đông lạnh là yếu tố quan trọng nhất để phát triển các loại cây công nghiệp cận nhiệt đới, điển hình là chè.

**Chọn A.**

**Câu 5:** Đồng bằng sông Hồng có các cảng hàng không quốc tế nào sau đây?

- A.** Vinh, Phú Bài, Chu Lai.    **B.** Nội Bài, Phú Quốc, Cần Thơ.  
**C.** Nội Bài, Vân Đồn, Cát Bi.    **D.** Liên Khương, Nha Trang, Chu Lai.

**Câu 5 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng (phần ngành dịch vụ).

**Cách giải:**

Đồng bằng sông Hồng có các cảng hàng không quốc tế Nội Bài (Hà Nội), Vân Đồn (Quảng Ninh), Cát Bi (Hải Phòng).

**Chọn C.**

**Câu 6:** Nửa sau mùa đông, miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

A. nóng khô.

B. lạnh khô.

C. lạnh ẩm.

D. nóng ẩm.

**Câu 6 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

**Cách giải:**

Nửa sau mùa đông, miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết lạnh ẩm do gió mùa Đông Bắc di chuyển lệch ra phía biển và mang hơi ẩm vào đất liền.

**Chọn C.**

**Câu 7:** Trung tâm du lịch nào sau đây ở nước ta có ý nghĩa quốc gia

A. Vinh.

B. Hải Phòng.

C. Nha Trang.

D. Đà Nẵng.

**Câu 7 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào ngành du lịch nước ta (phần sự phân hóa lãnh thổ du lịch).

**Cách giải:**

Trung tâm du lịch Đà Nẵng có ý nghĩa quốc gia.

A, B, D sai vì đó là các điểm du lịch mang ý nghĩa vùng.

**Chọn D.**

**Câu 8:** Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi tự nhiên để phát triển

A. chăn nuôi các loại gia cầm và bò.

B. vùng chuyên canh lớn cây lúa gạo.

C. khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

D. cây dược liệu, rau quả cận nhiệt.

**Câu 8 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào khai thác các thế mạnh và hướng phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Cách giải:**

Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi tự nhiên để phát triển cây dược liệu, rau quả cận nhiệt do vùng có khí hậu cận nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình.

**Chọn D.**

**Câu 9:** Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển sản xuất lâm nghiệp là

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá.

B. kéo dài, chiều ngang hẹp và có đủ đồi, núi; đồng bằng; biển đảo.

**C.** khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ, đất feralit khả màu mỡ.

**D.** dải đồng bằng ven biển hẹp ngang, kéo dài, chủ yếu là đất cát pha.

**Câu 9 (TH):**

**Phương pháp:8**

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

**Cách giải:**

Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển sản xuất lâm nghiệp là khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ, đất feralit khả màu mỡ.

- Khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ: đây là khu vực có diện tích rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp lớn nhất của vùng.

- Đất feralit khả màu mỡ: đất feralit trên nền đá mẹ khác nhau ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ có tầng phong hóa dày, giữ ẩm tốt và chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của nhiều loại cây.

A sai vì đó là điều kiện thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng.

B sai vì đây là đặc điểm của Bắc Trung Bộ nhưng yếu tố quan trọng nhất cho phát triển lâm nghiệp là diện tích rừng và đất feralit tập trung ở vùng đồi núi phía tây.

C sai vì đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cây công nghiệp hàng năm.

**Chọn C.**

**Câu 10:** Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** khí hậu ổn định, ít ảnh hưởng của bão.

**B.** nhiều vũng, vịnh; thủy sản phong phú.

**C.** vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn.

**D.** bờ biển dài, biển nóng ẩm quanh năm.

**Câu 10 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Cách giải:**

Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn.

A, D sai vì đây không phải là các điều kiện thuận lợi chủ yếu cho đánh bắt thủy sản nói chung.

B sai vì nhiều vũng, vịnh là điều kiện thuận lợi cho ngành giao thông vận tải biển (xây dựng cảng nước sâu).

**Chọn C.**

**Câu 11:** Cây trồng nào sau đây thuộc cây công nghiệp hàng năm ở nước ta?

A. Cà phê.

B. Cao su.

C. Hồ tiêu.

D. Dâu tằm.

**Câu 11 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào ngành nông nghiệp nước ta (phần ngành trồng cây công nghiệp).

**Cách giải:**

Dâu tằm thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm.

Cà phê, cao su, hồ tiêu thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm.

**Chọn D.**

**Câu 12:** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

A. Cát bay.

B. Lũ quét.

C. Lụt úng.

D. Ngập mặn.

**Câu 12 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung Chuyên đề Địa lí 12, phần một số thiên tai, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống.

**Cách giải:**

Lũ quét là thiên tai thường xảy ra ở vùng núi nước ta.

A, D là các hiện tượng thường xảy ra ở vùng ven biển.

C sai vì lụt úng thường xảy ra ở vùng đồng bằng.

**Chọn B.**

**Câu 13:** Địa hình là nhân tố chủ yếu làm cho sông ngòi nước ta

A. chủ yếu là nhỏ, lâm ghềnh thác, có nhiều sông từ nước ngoài chảy vào.

B. giàu phù sa, chế độ nước theo mùa, phần lớn các sông với độ dốc lớn.

C. có các sông hướng vòng cung, lưu lượng nước lớn, hai mùa lũ và kiệt.

D. có hướng tây bắc - đông nam, nhiều thác ghềnh, có lưu vực khác nhau.

**Câu 13 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Cách giải:**

Địa hình là nhân tố chủ yếu làm cho sông ngòi nước ta có hướng tây bắc - đông nam, nhiều thác ghềnh, có lưu vực khác nhau.

- Có hướng tây bắc - đông nam: Một trong hai hướng núi chính của Việt Nam là tây bắc - đông nam (ví dụ: dãy Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc). Do đó, phần lớn các sông lớn của nước ta cũng chảy

theo hướng này.

- Nhiều thác ghềnh: Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, đặc biệt ở vùng thượng nguồn. Độ dốc lớn của địa hình khiến sông ngòi có nhiều đoạn dốc, tạo thành thác và ghềnh.

- Có lưu vực khác nhau: Sự phân hóa của địa hình thành các vùng núi, trung du, đồng bằng đã tạo ra nhiều hệ thống sông ngòi khác nhau với các lưu vực riêng biệt.

**Chọn D.**

**Câu 14:** Nguồn năng lượng tái tạo ở nước ta **không phải** là

A. dầu thô.

B. gió.

C. mặt trời.

D. sinh khối.

**Câu 14 (NB):**

**Phương pháp:**

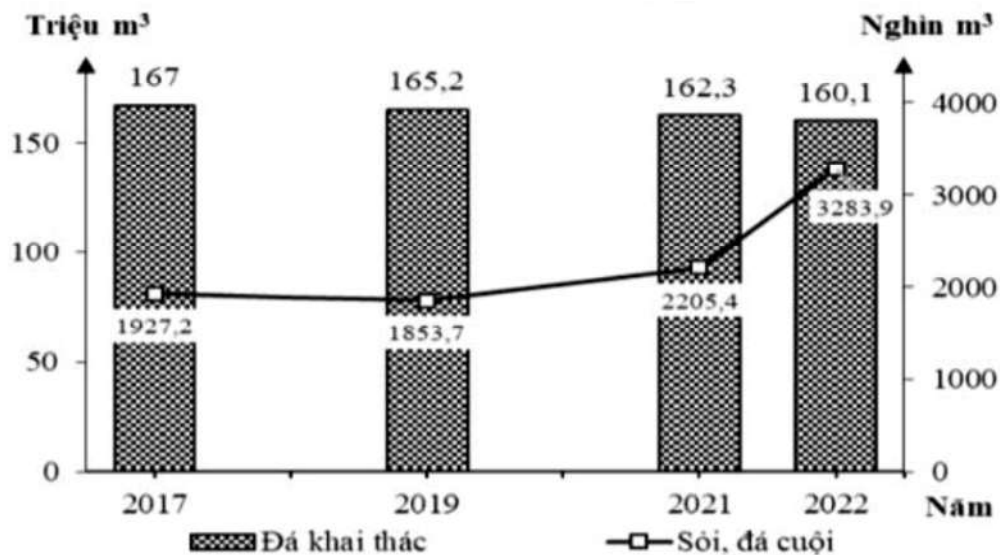
Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta.

**Cách giải:**

Nguồn năng lượng tái tạo ở nước ta **không phải** là dầu thô.

**Chọn A.**

**Câu 15:** Cho biểu đồ:



**Biểu đồ sản lượng đá khai thác và sỏi, đá cuội của nước ta, giai đoạn 2017 - 2022**  
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Sản lượng sỏi, đá cuội tăng không liên tục.

B. Sản lượng đá khai thác giảm 8,1 triệu m<sup>3</sup>.

C. Sản lượng sỏi, đá cuội tăng liên tục.

D. Sản lượng đá khai thác tăng không liên tục.

**Câu 15 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào sản lượng đá khai thác; sỏi, đá cuội giai đoạn 2017 – 2022 và lựa chọn nhận xét đúng.

**Cách giải:**

Sản lượng sỏi, đá cuội tăng không liên tục là nhận xét đúng (giảm trong giai đoạn 2017 – 2019; tăng liên tục

trong giai đoạn 2019 – 2022).

B sai vì sản lượng đá khai thác giảm  $167 - 160,1 = 6,9$  triệu  $m^3$ .

C sai vì sản lượng sỏi, đá cuội giảm trong giai đoạn 2017 – 2019.

D sai vì sản lượng đá khai thác giảm liên tục.

**Chọn A.**

**Câu 16:** Phần đất liền của lãnh thổ nước ta **không** tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

A. Lào.

B. Phi-lip-pin.

C. Trung Quốc.

D. Campuchia.

**Câu 16 (NB):10**

**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

**Cách giải:**

Phần đất liền của lãnh thổ nước ta **không** tiếp giáp với Phi-lip-pin.

**Chọn B.**

**Câu 17:** Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn vùng khí hậu Tây Nguyên chủ yếu do

A. địa hình cao, chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, gần ngoại chí tuyến.

B. vùng biển rộng, xa xích đạo, chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc.

C. gió đông bắc ảnh hưởng rất mạnh, đồng bằng rộng, có nhiều vùng trũng.

D. ảnh hưởng của các dãy núi theo hướng Bắc - Nam, gió đông bắc mạnh.

**Câu 17 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào các điều kiện tự nhiên làm cho vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn vùng khí hậu Tây Nguyên qua các yếu tố như vị trí địa lí, đặc điểm địa hình và ảnh hưởng của các loại gió.

**Cách giải:**

Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn vùng khí hậu Tây Nguyên chủ yếu do địa hình cao, chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, gần ngoại chí tuyến.

- Địa hình cao: Tây Bắc Bộ là vùng núi cao nhất cả nước với nhiều dãy núi đồ sộ và địa hình hiểm trở. Độ cao tăng lên làm nhiệt độ giảm theo quy luật đai cao (cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm

khoảng  $0,6^{\circ}\text{C}$ ). Tây Nguyên cũng có địa hình cao nguyên, nhưng có độ cao thấp hơn so với Tây Bắc Bộ.

- Chịu tác động của gió mùa Đông Bắc: Vào mùa đông, Tây Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc lạnh và khô từ lục địa châu Á tràn xuống. Gió mùa Đông Bắc mang theo không khí lạnh, làm nhiệt độ giảm sâu. Tây Nguyên không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên không có mùa đông lạnh.

- Gần ngoại chí tuyến: Vị trí gần ngoại chí tuyến khiến Tây Bắc Bộ nhận được lượng bức xạ mặt trời ít hơn so với các vùng nằm gần xích đạo hơn. Tây Nguyên nằm ở vĩ độ thấp hơn, gần xích đạo hơn nên nhận được lượng nhiệt quanh năm ổn định và cao hơn.

**Chọn A.**

**Câu 18:** Đô thị nào sau đây ở nước ta là thành phố trực thuộc tỉnh?

**A.** Hạ Long.

**B.** Cần Thơ.

**C.** Đà Nẵng.

**D.** Hà Nội.

**Câu 18 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào mạng lưới đô thị nước ta.

**Cách giải:**

Hạ Long là đô thị trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, các đô thị còn lại là đô thị trực thuộc Trung ương.

**Chọn A.**

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.** Trong mỗi ý a), b), c),

**d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSS	SSĐĐ	ĐĐSĐ	SĐSĐ

**Câu 1:** Cho thông tin sau:

Khí hậu của miền mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, nên nhiệt độ của miền thấp hơn các miền khác, biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. Mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều; mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước, với 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới  $18^{\circ}\text{C}$ . Đặc điểm khí hậu của miền đã ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và đời sống.

**a)** Nội dung trên thể hiện đặc điểm khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta.

**b)** Khí hậu của miền thuận lợi trồng cây cận nhiệt và ôn đới.

**c)** Miền có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của độ cao địa hình và gió mùa.

**d)** Biên độ nhiệt độ trung bình năm của miền cao do vị trí xa xích đạo và tác động của Tín phong

Bắc bán cầu.

**Câu 1 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung đặc điểm các miền địa lí tự nhiên ở nước ta.

**Cách giải:**

- a) Đúng. Các đặc điểm như mùa đông lạnh kéo dài nhất cả nước, nhiệt độ có thể xuống dưới 18°C trong 2-3 tháng, biên độ nhiệt năm lớn, mùa hè nóng ẩm mưa nhiều là những đặc trưng khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- b) Đúng. Mùa đông lạnh là điều kiện thuận lợi để trồng các loại cây cận nhiệt và ôn đới như rau vụ đông, các loại cây ăn quả có nguồn gốc từ vùng khí hậu mát mẻ.
- c) Sai. Miền có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của vị trí địa lí (là nơi đầu tiên, cuối cùng và trực tiếp chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc), đặc điểm địa hình (là một vùng núi thấp, hướng vòng cung, mở rộng về phía bắc và đông bắc tạo hành lang hút gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng sâu rộng) và gió mùa Đông Bắc.
- d) Sai. Biên độ nhiệt độ trung bình năm của miền cao do miền chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**Câu 2:** Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng của nền kinh tế. Trong tất cả các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu hiện nay, dệt may là ngành có kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng cao và là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực, giữ vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế, chiếm 12-16% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

- a) Công nghiệp dệt may là ngành non trẻ nhưng có đóng góp quan trọng vào kinh tế nước ta.
- b) Công nghiệp dệt may ở nước ta phát triển trên cơ sở nguồn lao động trình độ cao đông đảo, thị trường tiêu thụ trong nước rộng.
- c) Công nghiệp dệt may phân bố rộng rãi, phát triển mạnh ở các đô thị lớn.
- d) Định hướng phát triển công nghiệp dệt may là nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

**Câu 2 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về ngành công nghiệp dệt, may ở nước ta.

**Cách giải:**

- a) Sai. Công nghiệp dệt may là ngành phát triển từ lâu, không phải là ngành non trẻ.
- b) Sai. Công nghiệp dệt may là ngành không yêu cầu lao động chất lượng cao => Công nghiệp dệt

may ở nước ta phát triển trên cơ sở nguồn lao động trình độ đồng đều, thị trường tiêu thụ trong nước rộng.

- c) Đúng.
- d) Đúng.

**Câu 3:** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng ở trung tâm Bắc Bộ, giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, vịnh Bắc Bộ và Trung Quốc. Vùng có diện tích nhỏ nhưng mật độ dân số cao nhất cả nước. Vùng có địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh. Sông ngòi ở đây có giá trị nhiều mặt, tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất là than.

- a) Đồng bằng sông Hồng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, đường bờ biển dài, nhiều đảo và quần đảo.
- b) Để giảm sức ép dân số ở Đồng bằng sông Hồng cần xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí, đẩy mạnh quá trình đô thị hoá.
- c) Biện pháp quan trọng nhất để phát triển một số ngành công nghiệp mới ở Đồng bằng sông Hồng là khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ và phát huy ưu thế về vị trí chiến lược quan trọng.
- d) Khai thác lợi thế về đất đai, khí hậu, thị trường tiêu thụ là giải pháp chủ yếu giúp Đồng bằng sông Hồng phát triển trồng cây ưa lạnh trong vụ đông.

**Câu 3 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

**Cách giải:**

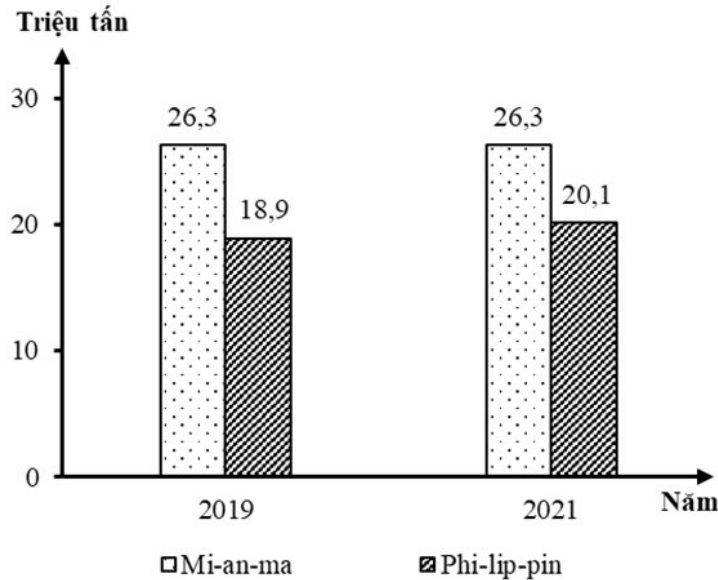
- a) Đúng.
- b) Đúng. Việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí, đẩy mạnh quá trình đô thị hoá sẽ tạo ra nhiều việc làm, từ đó giảm sức ép dân số cho vùng.
- c) Sai. Biện pháp quan trọng nhất để phát triển một số ngành công nghiệp mới ở Đồng bằng sông Hồng là tăng cường thu hút vốn đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao.<sup>12</sup>
- d) Đúng. Vùng có "đất phù sa màu mỡ", "khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh" tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng các loại cây ưa lạnh trong mùa đông. Thêm vào đó, với mật độ dân số cao, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp cũng lớn, tạo thị trường tiêu thụ ổn định.

**Câu 4:** Cho biểu đồ:

INCLUDEPICTURE

"<https://yourhomework.net/yhw/f/yhw/image/2024/03/1/202403132207311674935.jpg>" \\*

MERGEFORMATINET



SẢN LƯỢNG LÚA CỦA MI-AN-MA VÀ PHI-LIP-PIN, NĂM 2019 VÀ 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Sản lượng lúa của Mi-an-ma và Phi-líp-pin đều có sự biến động trong giai đoạn 2019 - 2021.
- b) Từ năm 2019 đến năm 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng 1,2 triệu tấn.
- c) Giai đoạn 2019 – 2021, sản lượng lúa của Mi-an-ma tăng nhanh hơn Phi-líp-pin.
- d) Giai đoạn 2019 - 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng, Mi-an-ma không có sự thay đổi.

**Câu 4 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào biểu đồ, xác định sản lượng lúa của Mi-an-ma và Phi-líp-pin giai đoạn 2019 – 2021 và nhận xét, suy luận.

**Cách giải:**

- a) Sai. Trong giai đoạn 2019 – 2021, sản lượng lúa của Mi-an-ma không thay đổi, sản lượng lúa Phi-líp-pin tăng.
- b) Đúng. Từ năm 2019 đến năm 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng:  $20,1 - 18,9 = 1,2$  triệu tấn.
- c) Sai. Trong giai đoạn 2019 – 2021, sản lượng lúa của Mi-an-ma không thay đổi, sản lượng lúa Phi-líp-pin tăng  $\Rightarrow$  Sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
- d) Đúng.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	218	1,7	48,0	478	427	12,2

**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

**LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG Ở VINH VÀ HUẾ NĂM 2022**

(Đơn vị : mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Vinh	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	166,7	352,0	718,6	47,2
Huế	296,5	234,2	2,3	44,6	142,5	92,3	10,6	41,8	681,7	1613,3	1005,5	785,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch lượng mưa trung bình năm của Huế và Vinh là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 1 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

Lượng mưa trung bình năm = Tổng lượng mưa 12 tháng/12.

**Cách giải:**

Năm 2022, sự chênh lệch lượng mưa trung bình năm của Huế và Vinh là:

$$[(296,5 + 243,2 + 2,3 + \dots + 785,7)/12] - [(27,4 - 77,2 + 68,8 + \dots + 47,2)/12] = 218 \text{ mm}$$

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA MỘT SỐ TỈNH, NĂM 2022**

Tỉnh	An Giang	Kiên Giang
Diện tích lương thực có hạt (Nghìn ha)	610,5	700,1
Sản lượng lương thực có hạt (Nghìn tấn)	3943,8	4405,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, hãy cho biết năng suất lương thực có hạt năm 2022 của tỉnh An Giang cao hơn năng suất của tỉnh Kiên Giang bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

**Câu 2 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

**Cách giải:**

Năng suất lương thực có hạt năm 2022 của tỉnh An Giang cao hơn năng suất của tỉnh Kiên Giang là:

$$(3943,8/610,5) - (4405,4/700,1) = 0,17 \text{ tấn/ha} = 1,7 \text{ tạ/ha}$$

**Câu 3:** Năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 355,5 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 327,5 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu trong tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 3 (VD):3**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

**Cách giải:**

Tỉ trọng trị giá nhập khẩu trong tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là:

$$[327,5 / (355,5 + 327,5)] * 100 = 48,0\%$$

**Câu 4:** Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt của nước ta là 47,9 triệu tấn; số dân là 100,3 triệu người. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 4 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Sản lượng lương thực bình quân đầu người} = \text{Sản lượng lương thực} / \text{Số dân}$$

**Cách giải:**

$$\text{Đổi } 47,9 \text{ triệu tấn} = 47900 \text{ triệu kg}$$

Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là:

$$47900 / 100,3 = 478 \text{ kg/người}$$

**Câu 5:** Năm 2023, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có dân số là 17463,3 nghìn người, diện tích của vùng là 40921,7 km<sup>2</sup>. Hãy cho biết mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là bao nhiêu người/km<sup>2</sup> (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 5 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Mật độ dân số} = \text{Số dân} / \text{Diện tích}$$

Lưu ý đổi đơn vị.

**Cách giải:**

$$\text{Đổi: } 17463,3 \text{ nghìn người} = 17463300 \text{ người.}$$

Mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là:

17463300/40921,7 = 427 người/km<sup>2</sup>

**Câu 6:** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN NĂM 2010 VÀ NĂM 2023**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2023
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	416,5
Cây công nghiệp lâu năm	2015,5	2165,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích cây công nghiệp hàng năm trong tổng diện tích cây công nghiệp năm 2010 so với năm 2023 giảm đi bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 6 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)\*100

**Cách giải:**

Tỉ lệ diện tích cây công nghiệp hàng năm trong tổng diện tích cây công nghiệp năm 2010 so với năm 2023 giảm đi:

$$[416,5/(416,5+2165,2)]*100 - [797,6/(797,6+2015,5)]*100 = 12,2\%$$

----- HẾT -----